TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A N** **TỈNH B Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-10-2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A N

- Với thành phần HĐXX xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Minh Ch

2/ Ông Nguyễn Hữu Nh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình D – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A N, tỉnh B Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A N tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh L – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý: 263/2021/TLST-HNGĐ ngày ngày 25/6/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/9/2021, Quyết định hoãn phiên toà số 42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị L sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Th Nh, xã B Th, huyện T S, tỉnh B Đ, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh Hồ Vũ L sinh năm 1981; nơi cư trú: Số nhà 114/5 Võ Trứ, khu vực L, phường N T, thị xã A N, tỉnh B Đ, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21/6/2021, bản tự khai ngày 02/7/2021, biên bản lấy lời khai ngày 15/9/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:* Chị và anh Hồ Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường N Th, thị xã A N, tỉnh B Đ ngày 25/7/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển lên Lâm Đồng lập nghiệp. Năm 2009, cha chồng mất vợ chồng về ở với mẹ tại N Th, A N, B Đ. Và cũng từ đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh L đam mê cờ bạc, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần thường xuyên xung đột, kình cải xích mích.

Chị nhiều lần động viên thuyết phục anh L hứa khắc phục nhưng vẫn không có kết quả. Năm 2016, vợ chồng lên Lâm Đồng lập nghiệp với mong muốn anh L chí thú làm ăn nhưng vẫn tính nào tật nấy cờ bạc nợ nần. Năm 2017, vợ chồng về lại B Đ sinh sống được thời gian mâu thuẫn lại phát sinh nên chị dẫn con về quê T S ở với cha mẹ. Tháng 01/2019, chị quay về chung sống với anh L nhưng vợ chồng vẫn bất đồng, kình cải. Tháng 03/2019, chị về nhà cha mẹ ở đến nay. Chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Vợ chồng có hai người con chung tên Hồ Phạm Diệu D sinh ngày 07/5/2006 ở với anh Lực, Hồ Chí Nh sinh ngày 03/12/2013 ở với chị. Chị yêu cầu giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Tài sản chung, nghĩa vụ và quyền lợi dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hai anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2021 và quá trình tố tụng, anh Hồ Vũ L là bị đơn trình bày:* Tìm hiểu 02 năm, anh và chị Phạm Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường N Th, thị xã A N ngày 25/7/2005. Sau đó, vợ chồng chuyển lên Lâm Đồng lập nghiệp. Năm 2009, cha mất vợ chồng về quên ở với mẹ. Năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh đam mê đánh lô đề, cá độ bóng đá từ đó vợ chồng thường xuyên xích mích kình cải. Có lần chơi lô đề thiếu tiền anh mang xe thế chấp chị L phát hiện vợ chồng xung đột kình cải. Năm 2012, anh chơi lô đề thâm nợ bán chiếc xe mô tô hiệu Srius vợ buồn ý bỏ về nhà cha mẹ, hai ngày sau anh động viên vợ chồng hàn gắn. Năm 2016, vợ chồng chuyển lên Lâm Đồng lập nghiệp. Năm 2017, anh có chơi lô đề, cá độ bóng đá thâm nợ 120.000.000đ, anh tự thu xếp trả 100.000.000đ. Sau đó, chủ nợ nhắn tin đòi số tiền nợ còn lại tình cờ chị L phát hiện vợ chồng kình cải, mâu thuẫn, chị L bỏ về quê T S, B Đ ở với cha mẹ. Đầu năm 2019, vợ chồng đoàn tụ chuyển lên Đăk Nông lập nghiệp chưa được 01 ngày xảy ra mâu thuẫn với chị ruột của anh nên về lại A N sinh sống. Vợ chồng chung sống được 03 tháng thì xảy ra mâu thuẫn vợ bỏ về quê T S ở đến nay. Bản thân anh còn thương vợ con nên mong muốn được đoàn tụ.

Vợ chồng có hai người con chung tên Hồ Phạm Diệu D sinh ngày 07/5/2006 đang ở với anh, Hồ Chí Nh sinh ngày 03/12/2013 đang ở với vợ. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Việc phân chia tài sản chung, quyền lợi và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hai anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Các đương sự không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm ngoài các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A N phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán trong quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ các trình tự tố tụng đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị L, cho chị L được ly hôn với anh L; giao cháu Hồ Chí Nh cho chị Phạm Thị L nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh L nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; buộc chị L phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị L và anh Hồ Vũ L tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND phường N Th, thị xã A N, tỉnh B Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 25/7/2005. Theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L là hợp pháp. Anh Hồ Vũ L cư trú và hiện đang sinh sống tại thị xã A N, tỉnh B Đ. Chị Phạm Thị L yêu cầu ly hôn với anh Hồ Vũ L, yêu cầu ly hôn của chị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A N theo khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về trường hợp vắng mặt của các đương sự: Ngày 06/10/2021 chị Phạm Thị L có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; ngày 08/10/2021, anh Hồ Vũ L có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng, Toà án quyết định xét xử vắng mặt chị L, anh L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu đoàn tụ. Thấy rằng, trong thời gian anh L chị L chung sống với nhau đã hai lần phát sinh mâu thuẫn do anh L chơi cờ bạc lô đề nợ nần đem xe mô tô thế chấp, bán dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên kinh cải, xích mích và mỗi lần mâu thuẫn chị L bỏ về quê T S sinh sống anh L động viên hàn gắn. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ công việc trong gia đình. Và vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp có thỏa thuận khác…". Nhưng thực tế từ tháng 4/2019 cho đến nay cả hai anh chị không hề gặp nhau trao đổi tìm cách hàn gắn, mà mặc nhiên để hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích khôn nhân không đạt được. Trong khi đó, chị L không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh L nên áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp.

[2.2] Tranh chấp người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

Chị Phạm Thị L và anh Hồ Vũ L có hai người con chung tên Hồ Phạm Diệu Du sinh ngày 07/5/2006 ở với anh L, Hồ Chí Nh sinh ngày 03/12/2013 ở với chị L. Anh L yêu cầu nuôi 02 người con; chị L yêu cầu giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay

và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Thấy rằng: Từ tháng 4/2019, anh L chị L chấm dứt cuộc sống chung cháu D do anh L chăm sóc nuôi dưỡng và hiện nay cháu D chuẩn bị vào lớp 10 học tại Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trường Tộ ở A N, B Đ. Trong khi đó, cháu Nh đang do chị L chăm sóc nuôi dưỡng, cháu đang học lớp 3 trường Tiểu học B Th, huyện T S, tỉnh B Đ. Để đảm bảo việc học tập, sinh hoạt không bị ảnh hưởng cũng như phù hợp nguyện vọng của cháu D được ở với cha, cháu Nh được ở với mẹ, chấp nhận yêu cầu của chị L giữ nguyên việc nuôi con như hiện tại và anh L, chị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị Phạm Thị L và Hồ Vũ L xác định không yêu cầu phân chia tài sản chung, quyền lợi và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa hai anh chị. Do đó, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không xem xét.

[3] Nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị L. Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Hồ Vũ L.

2. Về trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn:

- Giao cháu Hồ Chí Nh sinh ngày 03/12/2013 đang ở với chị L cho chị Phạm Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Giao cháu Hồ Phạm Diệu D sinh ngày 07/5/2006 đang ở với anh L cho anh Hồ Vũ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Phạm Thị L và anh Hồ Vũ L không yêu cầu nên không xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004874 ngày 25/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A N, tỉnh B Đ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B Đ;
- VKSND thị xã A N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A N;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Văn H